

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST

Ngày: 28-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Đoàn, ông Phan Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2025/TLST-HS, ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện N (số 03/2025/TLST-HS, ngày 03/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐ-TA ngày 29/7/2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2025/TB-TA ngày 07 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ tên: **TRẦN XUÂN L**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1979 tại: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (nay là: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh); nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 042079012366; cấp ngày 30 tháng 05 năm 2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn Long, sinh năm: 1953 và bà Hồ Thị Lân, sinh năm 1951, nghề nghiệp: Điều làm ruộng và cư trú tại: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; anh, chị, em ruột: Có 06 người, bị cáo là con thứ 02; vợ: Hồ Thị T, sinh năm 1979, nghề nghiệp: Làm ruộng (đã ly hôn); con: Có 04 người con, lớn nhất, sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 10 năm 2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên tòa;

2. Họ tên: **TRẦN VĂN N**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1968 tại: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (nay là: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh); nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 042068009192; cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; trình độ học vấn: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Trần Văn Lam và con bà: Hồ Thị Thuận (đều đã chết); anh, chị, em ruột: Có 08 người, bị cáo là con thứ 06; vợ: Nguyễn Thị H; sinh năm 1971, Nghề nghiệp: Làm ruộng; hiện trú tại thôn Trung Vượng, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/7/1997, TRẦN VĂN N bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai” theo bản án số 16/HSST, đã chấp hành xong bản án ngày 25/7/1998 (đã được xóa án tích). Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên toà.

- *Người giám hộ cho bị cáo Trần Văn N*: Bà Nguyễn Thị Hương, sinh năm: 1971, nơi thường trú: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Làm ruộng; (vợ của Trần Văn N), có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N*: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa (có mặt), ông Nguyễn Xuân Hiền (vắng mặt), Luật sư Công ty Luật TNHH Long Phúc, địa chỉ: Số 127, đường Lý Tự Trọng, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh;

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị Hương, sinh năm: 1971, nơi thường trú: Thôn T, xã X, huyện N tỉnh Hà Tĩnh (nay là: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh), nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hương*: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa, ông Nguyễn Xuân Hiền, Luật sư Công ty Luật TNHH Long Phúc, địa chỉ: Số 127, đường Lý Tự Trọng, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Văn Lĩnh, sinh năm: 1974, nơi thường trú: Thôn T, xã X, huyện N tỉnh Hà Tĩnh (nay là: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh), nghề nghiệp: Lao động tự do, có mặt

- *Người làm chứng*:

+ Chị Trần Thị Hoa, sinh năm: 1996, địa chỉ: Thôn Bắc Mới, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt

+ Ông Trần Văn Nhỏ, sinh năm: 1961, địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

+ Ông Trần Văn Phong, sinh năm: 1987, địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

+ Anh Hồ Ngọc An, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

+ Anh Trần Trung Thông, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn Tân Trù, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

+ Anh Trần Văn Chính, sinh năm: 1993, địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

+ Anh Trần Văn Bình, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn Tân Trù, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

+ Ông Trần Văn Sơn, địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

- *Người chứng kiến:* Bà Trần Thị Hoè, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn Tân Trù, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Điều tra viên giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Tiền Hải, Điều tra viên, thụ lý chính, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Tĩnh, có mặt

2. Giám định viên của Phân viện Pháp y tâm thần Bắc Miền Trung để làm rõ nội dung có liên quan đến Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 63/KLGD ngày 24/01/2025 đối với Trần Văn N: Ông Nguyễn Đức Cường, Trưởng khoa Điều trị bắt buộc, có mặt

3. Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn N: Ông Trần Thanh Minh – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/8/2024, TRẦN XUÂN L thuê người đồ đá nhằm tôn tạo đường vào nhà mình (trước đây là đường đi chung giữa gia đình TRẦN XUÂN L và gia đình TRẦN VĂN N, bà Nguyễn Thị Hương, hiện tại gia đình Nham đã đi đường khác). Cho rằng việc Linh làm đường cao lên như vậy, nếu trời mưa, nước từ nhà mình sẽ không thoát ra ngoài được nên bà Nguyễn Thị Hương và chị Trần Thị Hoa (là vợ và con gái Nham) đã xảy ra to tiếng, cự cãi với Linh. Khoảng 20 giờ ngày 18/8/2024, khi Linh đi qua cổng nhà Nham, thấy bà Hương và chị Hoa đang đứng trước cổng nhà, Linh dừng lại yêu cầu gia đình bà Hương trả tiền đồ đá làm đường nhưng bà Hương không đồng ý dẫn đến hai bên xảy ra cãi cọ, to tiếng, chửi bới nhau. Linh điều khiển xe mô tô tăng ga dọa đâm chị Hoa, rồi quay xe đi về. Đi được một đoạn, Linh quay xe lại đến trước cổng nhà Nham tiếp tục chửi bới bà Hương và chị Hoa. Lúc này bà Hương kêu to “Ông Nham ơi, thằng Linh đến đòi đập”. Nghe thấy tiếng bà Hương kêu, TRẦN VĂN N đang ở trong nhà liền chạy ra khu vực giếng nước lấy con dao dài 44cm, cầm tay trái chạy ra đuổi đánh Linh. Thấy Nham cầm dao, Linh để xe mô tô lại, bỏ chạy được khoảng 30m thì dừng lại. Lúc này Nham không đuổi nữa mà cầm dao đi về trước cổng nhà. Linh quay lại, đi bộ đến gần trước cổng nhà Nham, lấy điện thoại chụp ảnh Nham cầm dao. Khoảng 05 phút sau, do tức tối về việc bị

Nham dùng dao đuôi chém, nên Linh đi đến hàng rào Hội quán thôn, nhặt một hòn đá đến ném về phía Nham nhưng không trúng. Lúc này, Nham cầm dao lao vào chém Linh, Linh quay người bỏ chạy thì bị chém trúng một nhát vào má trái. Bị chém, Linh lao vào giằng co, giật dao từ tay Nham thì bị Nham chém thêm nhiều nhát nữa trúng vào lòng bàn tay phải, cổ tay phải và ba ngón tay trái. Linh dùng chân đá mạnh về phía Nham làm Nham ngã ra đường, đồng thời tay phải Linh giật được con dao trên tay Nham và chém về phía Nham nhiều nhát nhưng chỉ trúng một nhát vào lòng bàn tay trái. Bị chém, Nham vùng dậy chạy vào sân nhà đứng. Linh vớt dao ra đường liên thôn và kêu to “Bà con ơi ông Nham chém tui đứt tay rồi”. Khoảng vài phút sau, Linh nhặt dao lên cầm ở tay phải đuổi chém bà Hương. Thấy Linh đuổi chém, bà Hương chạy vào trong nhà trốn. Không chém được bà Hương, Linh quay ra thấy Nham đang đứng ở bên trái nhà nên chém một nhát trúng vào vùng trán. Bị chém, Nham bỏ chạy ra sau vườn, Linh không đuổi theo mà đi ra sân đứng. Lúc này, thấy bà Hương đi ra thềm nhà chửi bới nên Linh tiếp tục đuổi vào đến phòng khách chém mạnh một nhát về phía bà Hương trong tư thế đối diện nhau. Bà Hương đưa tay trái lên đỡ thì bị chém trúng vào cánh tay trái. Sau đó, Linh quay ra tiếp tục đuổi chém Nham nhưng Nham chạy ra sau vườn nên không đuổi được. Lúc này, ông Trần Văn Nhỏ và anh Trần Văn Phong là hàng xóm của Nham đến can ngăn, kéo Linh đi ra ngoài. Linh vớt con dao ở sân nhà ông Nham. Sau sự việc xảy ra, TRẦN XUÂN L, TRẦN VĂN N và bà Nguyễn Thị Hương đều bị thương. Linh nhập viện điều trị tại Trung tâm y tế huyện N từ ngày 18/8/2024 đến ngày 26/8/2024, còn Nham và bà Hương điều trị tại Bệnh viện 115, tỉnh Nghệ An từ ngày 18/8/2024 đến ngày 30/8/2024 thì ra viện.

** Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 302 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh Hà Tĩnh đối với thương tích của bà Nguyễn Thị Hương:* Sẹo vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái tổn thương gân duỗi đã phẫu thuật khâu nối gân, kích thước 16cm x 0,6cm, tỷ lệ TTCT là 03%; gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay trái đã phẫu thuật kết hợp xương, tỷ lệ TTCT là 15%; đứt động mạch trụ đã phẫu thuật nối động mạch, tỷ lệ TTCT là 04%; đứt thần kinh trụ đã phẫu thuật nối thần kinh, tỷ lệ TTCT là 21%. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị Hương tại thời điểm giám định là: 37%

** Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 301 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh Hà Tĩnh đối với thương tích của TRẦN VĂN N:* Chấn động não điều trị ổn định, tỷ lệ TTCT là 02%; vùng đỉnh trán sẹo vết thương kích thước 05cm x 0,3cm, tỷ lệ TTCT là 02%; sẹo vết thương gan bàn tay trái từ ô mô cái đến hết ngón II kích thước 17cm x 0,6cm, tỷ lệ TTCT là 03%; hạn chế vận động ngón I bàn tay trái, tỷ lệ TTCT là 6%; hạn chế vận

động ngón II bàn tay trái, tỷ lệ TTCT là 03%. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông TRẦN VĂN N tại thời điểm giám định là: 15%

** Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 303 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa tỉnh Hà Tĩnh đối với thương tích của TRẦN XUÂN L:* Góc hàm bên trái sẹo vết thương kích thước nhỏ, tỷ lệ TTCT là 03%; mặt trước cổ tay phải sẹo vết thương kích thước trung bình, tỷ lệ TTCT là 02%; ô mô út bàn tay phải sẹo vết thương kích thước trung bình, tỷ lệ TTCT là 02%; đốt 1, ngón I, bàn tay trái sẹo vết thương kích thước nhỏ, tỷ lệ TTCT là 01%; đốt 2, ngón II, sẹo vết thương kích thước nhỏ, tỷ lệ TTCT là 01%; đốt 1, 2, ngón III bàn tay trái sẹo vết thương hình chữ U kích thước trung bình, tỷ lệ TTCT là 02%; vỡ đầu xa ngón IV bàn tay trái, tỷ lệ TTCT là 01%; hạn chế vận động gấp duỗi khớp đốt 1,2 ngón III bàn tay trái, tỷ lệ TTCT là 01%. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của TRẦN XUÂN L tại thời điểm giám định là: 12%

- Kết luận khác: Thương tích của bà Nguyễn Thị Hương, TRẦN VĂN N và TRẦN XUÂN L đều do vật sắc tác động vào gây nên;

** Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 63 ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Phân viện Pháp y tâm thần Bắc miền Trung đối với TRẦN VĂN N:*

- Tại thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi dùng dao chém TRẦN XUÂN L gây thương tích ngày 18/8/2024 và tại thời điểm giám định, TRẦN VĂN N bị bệnh: Tâm thần phân liệt thể di chứng, theo Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD), có mã bệnh là: F20.5 (giai đoạn bệnh thuyên giảm);

- Tại các thời điểm nêu trên, TRẦN VĂN N hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

** Giấy xác nhận khuyết tật số 39142/18394/27 ngày 02/4/2014 do UBND xã X xác nhận mức độ khuyết tật đối với TRẦN VĂN N là đặc biệt nặng.*

- Về thu giữ và xử lý vật chứng:

01 (Một) con dao có tổng chiều dài cả cán và lưỡi là 44cm; cán được làm bằng gỗ dài 14,2cm, ở 02 đầu cán được đính khâu bằng kim loại màu trắng; lưỡi bằng kim loại tối màu dài 29,8cm, mũi dao tù, một bên sắc, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,6 cm. Quá trình điều tra xác định con dao này là của gia đình TRẦN VĂN N. Vật chứng trên thu giữ từ TRẦN VĂN N và hiện chưa được xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bà Nguyễn Thị Hương và TRẦN VĂN N yêu cầu TRẦN XUÂN L bồi thường số tiền 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng) bao gồm tiền viện phí, thuốc men trong quá trình điều trị thương tích. Đối với thiệt hại về phần trăm sức khỏe, do Nham và bà Hương chưa xác định được số tiền bồi thường là bao nhiêu nên đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật. TRẦN XUÂN L đã tác

động gia đình bồi thường cho Nham và bà Hương số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Bị cáo TRẦN XUÂN L không yêu cầu TRẦN VĂN N phải bồi thường tiền viện phí, thuốc men trong quá trình điều trị thương tích. Còn đối với thiệt hại về phần trăm sức khỏe, thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình.

Với hành vi trên, Cáo trạng số 25/CT – VKSNX ngày 02/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh) đã truy tố Trần Xuân Linh về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, truy tố Trần Văn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử chỉ định người giám hộ đương nhiên cho bị cáo Trần Văn N là bà Nguyễn Thị Hương (vợ của bị cáo Nham) theo quy định tại khoản 1 Điều 53, khoản 4 Điều 54 Bộ luật Dân sự. Bà Nguyễn Thị Hương và bị cáo Nham đồng ý với chỉ định của Hội đồng xét xử.

Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn N khẳng định quá trình điều tra, truy tố không bị ép cung, nhục hình, các bản khai và Biên bản hỏi cung có chữ ký ghi rõ họ tên của bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi dùng dao chém bị cáo Linh là đúng như nội dung Cáo trạng được nghe đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên toà.

Người giám hộ và người bào chữa cho bị cáo Nham trình bày: Mặc dù quá trình điều tra, truy tố có vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã làm rõ lời khai của bị cáo Nham, xác định hành vi bị cáo thực hiện đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng truy tố, không oan sai; mặt khác vụ án đã kéo dài hơn 01 năm, gây áp lực, khó khăn, mệt mỏi cho bị cáo, ảnh hưởng đến tinh thần cũng như diễn biến theo chiều hướng tiêu cực đối với bệnh tâm thần của bị cáo Trần Văn N. Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung chỉ giải quyết vấn đề về thủ tục tố tụng mà không làm thay đổi bản chất của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà cho khắc phục tại phiên toà như quá trình làm việc của Hội đồng xét xử đã đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nham. Bị cáo Trần Văn N cũng như bị cáo Trần Xuân Linh và những người tham gia phiên toà đều nhất trí với nội dung trên, không có ý kiến khác.

Hội đồng xét xử triệu tập đến phiên toà Điều tra viên thụ lý chính, Giám định viên, Trợ giúp viên pháp lý được chỉ định bào chữa cho bị cáo giai đoạn điều tra để làm rõ các nội dung có liên quan đến việc điều tra, truy tố đối với các bị cáo. Theo đó, điều tra viên khẳng định việc lấy lời khai, hỏi cung đối với bị cáo được thực hiện khách quan, không ép cung, nhục hình. Sau khi cơ quan điều tra có Kết luận giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo Nham đã tiến hành lấy ý kiến của bị cáo và gửi văn bản đến Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh để cử người bào chữa là ông Trần Thanh Minh. Ông Minh đã có mặt

làm việc khi cơ quan điều tra lấy cung nhưng do tại buổi làm việc bị cáo Nham và chị Hoa (con gái bị cáo Nham) thông báo đã thuê Luật sư nên không yêu cầu ông Minh bào chữa. Vì vậy, ông Minh không ký vào Biên bản hỏi cung (ngày 15/5/2025). Về người giám hộ cho bị cáo, cũng tại ngày hỏi cung trên, có mặt ông Trần Văn Sơn và chị Trần Thị Hoa là anh trai và con gái của bị cáo Nham nhưng ông Sơn từ chối ký vào Biên bản, không có chữ ký chị Hoa tại biên bản (đã được ghi nhận và phản ánh tại BL293). Tại phiên toà, ông Trần Thanh Minh, chị Trần Thị Hoa xác định nội dung điều tra viên trình bày là đúng sự thật.

Tại phiên toà, về trách nhiệm dân sự các bị cáo, bị hại đã tự thoả thuận về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, cụ thể: Bị cáo Trần Văn N tự nguyện bồi thường cho bị cáo Linh số tiền 05 (năm) triệu đồng; Trần Xuân Linh đồng ý và rút yêu cầu về phần bồi thường. Bị cáo Nham và bà Hương yêu cầu bị cáo Linh bồi thường tổng số tiền 100 (một trăm) triệu đồng. Bị cáo Linh đã bồi thường 20 (hai mươi) triệu đồng nay yêu cầu bồi thường tại phiên toà số tiền 30 (ba mươi) triệu đồng. Còn lại 50 (năm mươi) triệu đồng bồi thường sau, thời gian và phương thức bồi thường các bên tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết. Bị cáo Linh đồng ý và tại phiên toà đã giao số tiền 30 (ba mươi) triệu đồng cho bị cáo Nham, bà Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Xuân Linh, Trần Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Trần Xuân Linh; xử phạt Trần Xuân Linh từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo; đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn N; xử phạt Trần Văn N từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường của bị cáo Trần Xuân Linh, Trần Văn N, bị hại bà Nguyễn Thị Hoa, cụ thể: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền 05 (năm) triệu đồng của bị cáo Trần Văn N cho bị cáo Trần Xuân Linh; ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bị cáo Linh, bị cáo Nham và bà Hương theo đó bị cáo Linh bồi thường cho bị cáo Nham, bà Hoa số tiền 100 (một trăm) triệu đồng đã bồi thường 50 (năm mươi) triệu đồng, bị cáo Linh còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 50 (năm mươi) triệu đồng cho bị cáo Nham, bà Hương. Ngoài ra, còn đề xuất về án phí, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại không tranh luận.

Người bào chữa giữ nguyên quan điểm trình bày, không tranh luận về tội danh và đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” cho bị cáo Trần Văn N vì trước khi mở

phiên toà, bị cáo Nham đã nộp tiền bồi thường cho bị cáo Linh số tiền 05 triệu đồng; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, tình trạng mắc bệnh tâm thần đặc biệt nặng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Trần Văn N. Về mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Xuân Linh.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất, được tự cải tạo, giáo dục tại cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, đủ căn cứ xác định bị cáo Trần Văn N là người có nhược điểm về tâm thần (Giấy xác nhận khuyết tật số 39142/18394/27 ngày 02/4/2014 của UBND xã X xác nhận mức độ khuyết tật đối với TRẦN VĂN N là đặc biệt nặng; Kết luận Giám định pháp y tâm thần). Do đó, bị cáo Nham thuộc trường hợp phải chỉ định người bào chữa (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự). Mặt khác, theo quy định của Bộ luật Dân sự thì Trần Văn N là người có khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi thuộc trường hợp phải có người giám hộ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm d khoản 1 Điều 47, khoản 4 Điều 54 Bộ luật Dân sự. Cơ quan điều tra chưa chỉ định người giám hộ, người bào chữa chưa ký vào Biên bản hỏi cung bị can là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 13 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ điều tra bổ sung (Thông tư liên tịch số 02). Tuy nhiên, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành hỏi bị cáo Trần Văn N về diễn biến hành vi phạm tội, chữ ký của bị cáo tại Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung... bị cáo Nham khai nhận việc bị cáo sử dụng dao chém bị cáo Linh là thật, quá trình điều tra Nham đã làm việc cùng ông Trần Thanh Minh, ông Trần Văn Sơn (là anh trai) và không bị ép cung, nhục hình; ý kiến của người giám hộ được Tòa án chỉ định (bà Hương) và người bào chữa cho bị cáo Nham đề nghị Hội đồng xét xử không trả hồ sơ điều tra bổ sung

vì bản chất vụ án là có thật, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng, không oan, sai; lời khai nhận của bị cáo Nham tại phiên toà đúng như Kết luận điều tra, Cáo trạng truy tố. Vi phạm trên cơ bản đã được khắc phục tại phiên toà.

Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch số 02 thì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trên đã được khắc phục tại phiên toà nên Hội đồng xét xử quyết định không trả hồ sơ điều tra bổ sung mà tiếp tục xét xử đối với các bị cáo.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1, 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Xuân Linh, Trần Văn N khai nhận hành vi phạm tội đúng với lời khai trong quá trình điều tra, nội dung Cáo trạng truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn trong việc tôn tạo đường đi và thanh toán tiền, nên khoảng khoảng 20 giờ ngày 18/8/2024 giữa TRẦN XUÂN L và bà Nguyễn Thị Hương, chị Trần Thị Hoa (là vợ và con gái Nham) xảy ra cãi cọ, chửi bới nhau. TRẦN VĂN N đang ở trong nhà nghe bà Hương kêu bị Linh dọa đánh liền lấy một con dao dài 44cm, cầm tay trái chạy ra chém Linh một nhát trúng vào má trái, một nhát vào lòng bàn tay phải, một nhát vào cổ tay phải và 03 ngón tay trái gây thương tích, với tỷ lệ tổn thương cơ thể 12% . Sau đó, Linh giật được con dao trên tay Nham chém trúng một nhát vào lòng bàn tay trái, một nhát trúng vào trán gây thương tích cho Nham, với tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%. Sau khi Nham bỏ chạy, Linh tiếp tục cầm dao đuổi chém bà Hương một nhát vào cánh tay trái gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 37%.

[3] Xét các yếu tố cấu thành tội phạm: Bị cáo Trần Xuân Linh, Trần Văn N đã xâm hại khách thể là thân thể, sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặt khách quan của tội phạm được biểu hiện với hành vi các bị cáo sử dụng dao là công cụ, phương tiện phạm tội có tính chất nguy hiểm chém vào người (cơ thể người sống). Hậu quả Nham gây tổn thương cơ thể của Linh 12%, Linh gây tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nham 15% và tỷ lệ tổn thương cơ thể bà Hương 37%. Hành vi khách quan và hậu quả xảy ra có mối quan hệ nhân quả, tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, chủ thể có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tính chất xâm hại nghiêm trọng (đối với Trần Văn N), rất nghiêm trọng (đối với Trần Xuân Linh) nên phải chịu mọi chế tài hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

[4.1] Đối với bị cáo Trần Xuân Linh gây thương tích cho 02 người, cụ thể gây tổn thương cơ thể của bị cáo Nham 15%, gây tổn thương cơ thể của bà Hương 37% đã phạm vào _điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự: “3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*”.

Bị cáo Linh còn bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng hung khí nguy hiểm*”, “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng “*Phạm tội đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức*” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “*Người phạm tội thành khẩn khai báo; người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; người bị hại cũng có lỗi*” được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Đối với bị cáo Trần Văn N gây thương tích cho bị cáo Linh 12% đã phạm vào điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*”.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “*Người phạm tội thành khẩn khai báo; người phạm tội là người khuyết tật đặc biệt nặng; là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; người bị hại cũng có lỗi*” quy định tại điểm s, q, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Nham tự nguyện bồi thường cho bị cáo Linh số tiền 05 (năm) triệu đồng (bị cáo Linh đồng ý và rút yêu cầu bồi thường) nên HĐXX chấp nhận ý kiến của người bào chữa, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo Nham “*người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS khác đã được làm rõ tại phiên toà “*gia đình bị cáo Trần Văn N thuộc hộ nghèo*”.

[4.3] Các bị cáo chỉ vì mâu thuẫn, xích mích nhỏ nhặt trong cuộc sống; không tìm cách giải quyết trên tinh thần hoà hảo, tình làng nghĩa xóm mà sử dụng đá, dao là những hung khí nguy hiểm, tính sát thương cao gây thương tích, tổn thất tinh thần và thể chất. Hậu quả là từ những công dân tốt trở thành người có nhân thân xấu, ảnh hưởng không chỉ sức khỏe, tinh thần mỗi bên mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm xấu tình hình trật tự, trị an trên địa bàn. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Tuy nhiên, bị cáo Linh có nhân thân tốt; hoàn cảnh gia đình khó

khăn, đang bị tạm giam nhưng đã tích cực tác động người thân khắc phục hậu quả, bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền cho bị hại (50 (năm mươi) triệu đồng); bị cáo mới ly hôn vợ, hiện tại không có chỗ ở, đang ở nhờ nhà bố mẹ, sau khi con bão Kajiki đổ bộ vào đất liền Hà Tĩnh đã làm sập ngôi nhà bố mẹ bị cáo. Thấy rằng, bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, nhận thức được sai phạm hành vi đã thực hiện nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự cũng như tạo điều kiện cho bị cáo tích cực cải tạo sớm trở về ổn định cuộc sống. Đối với bị cáo Trần Văn N là người khó khăn trong nhận thức, điều khiển hành vi, thuộc đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng, gia đình thuộc hộ nghèo. Việc áp dụng hình phạt tù giam là không cần thiết đối với bị cáo. Do đó, cho bị cáo được hưởng án treo để người thân có điều kiện chăm sóc là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4.4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) con dao có tổng chiều dài cả cán và lưỡi là 44cm; cán được làm bằng gỗ dài 14,2cm, ở 02 đầu cán được đính khâu bằng kim loại màu trắng; lưỡi bằng kim loại tối màu dài 29,8cm, mũi dao tù, một bên sắc, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,6 cm. Quá trình điều tra xác định con dao này là công cụ, phương tiện phạm tội của gia đình TRẦN VĂN N cần tịch thu tiêu huỷ.

[4.5] Về trách nhiệm dân sự: Các bên tự thoả thuận và đề nghị ghi nhận trong bản án. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Trần Văn N số tiền 05 (năm) triệu đồng cho bị cáo Trần Xuân Linh. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa bị cáo Trần Xuân Linh, bị cáo Trần Văn N và bị hại cũng là người giám hộ cho bị cáo Nham - bà Nguyễn Thị Hương, cụ thể: Bị cáo Trần Xuân Linh bồi thường số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho bị cáo Nham và bà Hương, đã bồi thường được 50 (năm mươi) triệu đồng (trong đó: 20 (hai mươi) triệu đồng bồi thường tại giai đoạn điều tra), 30 (ba mươi) triệu đồng bồi thường tại phiên toà), bị cáo Linh còn tiếp tục phải bồi thường số tiền 50 (năm mươi) triệu đồng cho bị cáo Nham và bà Hương. Thời gian, phương thức trả tiền các bên tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên không có ý kiến khác và đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Về án phí: Bị cáo Trần Xuân Linh phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Trần Văn N được miễn áp phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người giám hộ, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 45; 46; 260; 268; 269; 326, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân Linh phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt Trần Xuân Linh 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 24/10/2024).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, q, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt Trần Văn N 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn N cho Ủy ban nhân dân xã C, Công an xã C tỉnh Hà Tĩnh và gia đình quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền 05 (năm) triệu đồng của bị cáo Trần Văn N cho bị cáo Trần Xuân Linh; số tiền 100 (một trăm) triệu đồng của bị cáo Trần Xuân Linh cho bị cáo Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Hương. Bị cáo Trần Xuân Linh đã bồi thường giai đoạn điều tra số tiền 20 (hai mươi) triệu đồng, tại phiên tòa bồi thường số tiền 30 (ba mươi) triệu đồng, phải tiếp tục bồi thường cho bị cáo Trần Văn N và bà Nguyễn Thị Hương số tiền 50 (năm mươi) triệu đồng. Thời gian, phương thức bồi thường các bên tự thỏa thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao có tổng chiều dài cả cán và lưỡi là 44cm; cán được làm bằng gỗ dài 14,2cm, ở 02 đầu cán được đính khâu bằng

kim loại màu trắng; lưỡi bằng kim loại tối màu dài 29,8cm, mũi dao tù, một bên sắc, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 6,6 cm (của gia đình TRẦN VĂN N)

(Tình trạng vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh và cơ quan Thi hành án dân sự huyện N (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Hà Tĩnh)).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1,3 Điều 21, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, c, f, g khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Xuân Linh phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000đ (bốn triệu đồng) án phí dân sự. Bị cáo Trần Văn N được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám hộ, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, bị hại, người giám hộ, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3 -HT;
- CQCSĐT, CQTHAHS Công an tỉnh HT;
- Trại Tạm giam;
- Hồ sơ Công an;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS KV 3- HT;
- Bị cáo; người giám hộ;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người BVQLIHP cho người bị hại;
- UBND, Công an xã C, HT;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nữ Ngọc Diệp

hình sự sơ thẩm và 4.000.000đ (bốn triệu đồng) án phí dân sự. Bị cáo Trần Văn N được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám hộ, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, bị hại, người giám hộ, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Sỹ Đàn

Phan Công Bình

Lê Nữ Ngọc Diệp